



shén zhì

神智

noun · mind, senses

Example Sentence

Lǎo rén shén zhì hái hěn qīng xǐng

老人神智还很清醒。

The old man is still clear-minded.

Trace each character, then write the word on your own.

神	神	神	神	神	神	神	神	神	神	神
神										

智	智	智	智	智	智	智	智	智	智	智
智	智	智	智							
